

Bài tập:
Sắp xếp câu
(thêm dấu câu):

1. 新的 你的车 是 旧的 还是
Xīn de nǐ de chē shì jiù de háishì

2. 清茶 或者 喜欢 咖啡 我
Qīngchá huòzhě xǐhuan kāfēi wǒ

3. 看电视 我 常常 听音乐 或者
Kàn diànshì wǒ chángcháng tīng yīnyuè huòzhě